TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 387/2018/QĐST-DS	*Thủ Đức, ngày 30 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Nam Hùng

2. Bà Phan Thị Mai Hương

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 359/2015/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2015

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: 1/ Ông Nguyễn Trọng C, sinh năm 1967

2/ Bà Lâm Thị Ánh T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Đường X Tổ Y, Khu phố T, phường H, quận T Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng C, sinh năm 1967 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lâm Thị Ánh T (Theo Giấy

ủy quyền được Văn phòng Công chứng Số 3, Thành phố Hồ Chí Minh công chứng số 39164 ngày 14/12/2015)

Bị đơn: 1/ Ông Lê Hoàng M, sinh năm: 1962.

2/ Bà Hồ Thị S, sinh năm: 1962.

Cùng địa chỉ: Đường T Tổ Y, Khu phố T, phường H, quận T Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Hoàng M, sinh năm 1962 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hồ Thị S (Theo Giấy ủy quyền được Văn phòng Công chứng Số 3 công chứng số 6817 ngày 10/3/2016. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Trẻ Nguyễn Trọng N, sinh năm 2005

2/ Trẻ Nguyễn Trọng T, sinh năm 2013

Cùng địa chỉ: Tổ Y, Khu phố T, phường H, quận T Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của trẻ N và trẻ T: Ông Nguyễn Trọng C, sinh năm 1967

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Lê Hoàng M cùng đại diện cho bà Hồ Thị S đồng ý chuyển giao quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 12 m^2, Thuộc thửa 92-1, 766-1 Tờ bản đồ số 8 và Thửa 12-1 Tờ Bản đồ số 10 tọa lạc tại Khu phố T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh được thể hiện tại bản đồ hiện trạng vị trí số 19588/ĐĐBĐ-CNTĐ do Trung tâm đo đạc bản đồ Thuộc Sở Tài nguyên Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 09/5/2016, theo Giấy chuyển nhượng đất ngày 28/4/2004 giữa ông Lê Hoàng M, bà Hồ Thị S và ông Nguyễn Trọng C, bà Lâm Thị Ánh T.

Ông Nguyễn Trọng C cùng đại diện cho bà Lâm Thị Ánh T đồng ý thanh toán cho ông M bà S số tiền 108.000.000đồng, thực hiện trong thời hạn 01 tháng hạn chót thanh toán là ngày 30 tháng 9 năm 2018.

Sau khi ông C, bà T thanh toán xong số tiền 108.000.000đồng thì ông M, bà S có nghĩa vụ tháo dỡ toàn bộ hàng rào chắn trên phần đất có diện tích 12 m^2 Thuộc thửa 92-1, 766-1 Tờ bản đồ số 8 và Thửa 12-1 Tờ Bản đồ số 10 tọa lạc tại Khu phố T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp ông Lê Hoàng M, bà Hồ Thị S có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Trọng C, bà Lâm Thị Ánh T không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo qui định tại các điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm ông Lê Hoàng M, bà Hồ Thị S phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và ông Nguyễn Trọng C phải nộp 5.400.000 (năm triệu bốn trăm ngàn) đồng, nhưng được cấn trừ tiền tạm ứng án phí ông C, bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0006718 ngày 09 tháng 11 năm 2015 của Chi cục Thi hành án quận Thủ Đức, ông C, bà T còn phải nộp 5.200.000đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008(sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu:VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thanh